

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2018/HSST**  
Ngày 06-02-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ-TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Phong Phi**

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**Ông Võ Hoàng Nghiệp**

**Ông Trần Thanh Nghị**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Minh Nhựt** – Thư ký tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Hứa Thoại Khương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú; Tòa án đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

**Phạm Văn Th**, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp B B T, xã Q T, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, (chết) và bà Đào Thị D, sinh năm: 1973; Vợ: Võ Thị Cẩm Y (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giam từ ngày 19/09/2017 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** **Phạm Thị N H**, sinh năm 2002; Cư trú: Ấp T K, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:** Bà **Lê T L**, sinh năm 1957; Cư trú: Ấp T K, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Mẹ bị hại)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Đào Thị D**, sinh năm 1973; Cư trú: Ấp B B Tn, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**Cao Trần T**, sinh 1999; cư trú: ấp V L, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

**Lê Thị Yến N**, sinh năm 2003; Cư trú: Ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng:* ông **Lê Minh M** (cha ruột); Cư trú: Ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 12/8/2017, bà Lê T L, sinh năm 1955, ngụ ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang đến Công an thị trấn Long Bình, huyện An Phú trình báo việc Phạm Văn T, sinh năm 1997, ngụ ấp B B T, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang có hành vi nhiều lần quan hệ tình dục với con gái bà tên Phạm Thị N H, sinh ngày 01/05/2002. Công an thị trấn Long Bình tiến hành xác minh ban đầu và báo cáo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú thụ lý giải quyết. Qua điều tra xác định:

Khoảng tháng 04/2017, Phạm Thị N H (sinh ngày 01/5/2002) quen biết và phát sinh tình cảm với Phạm Văn T qua trang mạng Zalo. Trong thời gian quen nhau T và H đã quan hệ tình dục với nhau 05 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 5/2017 T quan hệ tình dục với H tại nhà ông Phạm Văn I (ông nội T) thuộc ấp Búng Bình Thiên, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 10 ngày, T quan hệ tình dục với H tại quán giải khát (thường gọi quán tum lá) tại ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Lần thứ ba: Trong đêm 10 rạng sáng ngày 11/8/2017, T quan hệ tình dục với H tại nhà nội T 03 lần.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 2825/C54B, ngày 29/8/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công an, ghi nhận: Căn cứ vào mức độ phát triển thể chất cơ thể của Phạm Thị N H, sự phát triển của răng và sự cốt hóa các xương của tay, chân và xương chậu. Mức độ hàn các đầu xương vào thân xương các xương của tay, chân và xương chậu. Xác định tại thời điểm giám định (tháng 8/2017) Phạm Thị N H có độ tuổi từ: 15 năm 04 tháng đến 15 năm 10 tháng.

Bản cáo trạng số 53/VKS-HS.TA ngày 17/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Giao cấu với

trẻ em” theo điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã công bố.

Người bị hại H trình bày: Do có quan hệ tình cảm với bị cáo T nên đã tự nguyện cùng với T nhiều lần quan hệ tình dục, thời gian địa điểm quan hệ như cáo trạng đã công bố.

H còn cho biết ngoài quan hệ tình dục với T thì trước khi quan hệ tình dục với T thì khoảng tháng 4/2017 tại bến xe khách Khánh Bình thuộc ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, Hồng đã quan hệ tình dục 01 lần tại cầu thị trấn Long Bình với người thanh niên sử dụng nickname Zalo “Thằng Hề” sau này biết tên Nguyễn Văn S nhà ở xã Quốc Thái, huyện An Phú. Đồng thời H khai đã quen biết với Cao Trần T thông qua trang mạng Zalo khoảng tháng 6/2017, trong thời gian quen nhau T 02 lần dùng tay sờ ngực và âm đạo của H.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà L và bị hại H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và yêu cầu bồi thường số tiền 45.000.000 đồng. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền là 15.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú ngày 02/02/2018.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 54 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án 01 (Một) năm tù, về tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015; các Điều 584 , Điều 592 BLDS năm 2015. Để xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại theo quy định quy định.

Bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, trong đó có Cao Trần T vắng mặt. Xét, sự có mặt của người bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án riêng những người tham gia tố tụng (người liên quan) vắng mặt đều đã có lời khai

tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 191, 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi giao cấu với trẻ em.

[3] Tại phần xét hỏi và tranh luận qua giải thích và động viên hòa giải của Hội đồng xét xử các bên không thống nhất, đại diện của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Bị cáo cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng bồi thường số tiền trên, gia đình bị cáo đã nộp 15.000.000, bị cáo và bị hại thương nhau thật sự, nên bị cáo không có khả năng nộp thêm 25.000.000 đồng theo yêu cầu của mẹ bị hại.

[4] Căn cứ pháp luật, hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Giao cấu với trẻ em”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét về tính chất vụ án: Bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ nhận thức nhưng vì tuổi trẻ nông nổi, nhất thời không kiềm chế được hành vi ham muốn về tình dục của mình, đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết về tình dục của em H, bị cáo đã 05 lần quan hệ tình dục với Phạm Thị N H. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã xâm phạm tình dục trẻ em, do đó việc bị cáo thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần với bị hại là vi phạm pháp luật hình sự, được quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây nguy hại đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của người bị hại đặc biệt là trẻ em ở độ tuổi đi học rất dễ bị xâm hại, do đó cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[7] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trái pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trong lúc lượng hình để đưa ra bản án nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[8] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bên phía bị hại 15.000.000 đồng, bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bị cáo tự thú ra các lần phạm tội trước với bị hại, đã tự nguyện bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng cho bị hại. Do đó Hội đồng xét xử áp

dụng các điểm b,r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định như trên và xem xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát đề nghị mức án tù là chưa đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 115 BHLS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm b,r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu số tiền là 40.000.000 của bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà L yêu cầu số tiền nhưng không có cơ sở và chứng từ liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, căn cứ Điều 584, Điều 592 BLDS năm 2015 có quy định mức tối đa tổn thất tinh thần là 10 tháng lương cơ sở, tương đương số tiền 13.000.000 đồng. Bị cáo và gia đình đã nộp tiền khắc phục tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số 007145 ngày 02/02/2018 với số tiền là 15.000.000 đồng nên có lợi cho bị hại. Từ những nhận định như trên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại công nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng cho bị hại.

[11] Đối với hành vi của Cao Trần T, Nguyễn Văn S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý.

[12] Về xử lý vật chứng: Giấy chứng minh nhân dân số 352403439 mang tên Phạm Văn T. Giấy phép lái xe hạng A1 số 890154009291 mang tên Phạm Văn T. Vật chứng trên là vật dụng cá nhân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo somi dài tay màu trắng có hoa văn màu xanh đỏ. 01 (một) quần tây dài màu đen.

Thu giữ của bị hại H: 01 (một) áo khoác màu đen. 01 (một) quần thun lửng màu xanh đậm, viền xám. 01 (một) áo thun cổ tròn ngắn tay màu trắng có hoa văn màu vàng, xanh. 01 (một) áo lót màu hồng nhạt của nữ. 01 (một) quần lót màu trắng của nữ. Không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: Bị cáo còn phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Căn cứ Điều 47, Điều 48, điểm b,r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm d, khoản 1, Điều 12, Điểm f, khoản 1, Điều 23, Khoản 8 Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Về hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và các bộ luật, luật có liên quan.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt tạm giam (ngày 19 tháng 9 năm 2017).

Về dân sự:

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại là Phạm Thị N H (đại diện hợp pháp là bà Lê Thị L) số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), sau khi kết thúc phiên tòa bị hại liên hệ Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú để nhận tiền 15.000.000 đồng .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng:

Trả lại bị cáo T: Giấy chứng minh nhân dân số 352403439 mang tên Phạm Văn T. Giấy phép lái xe hạng A1 số 890154009291 mang tên Phạm Văn T.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo somi dài tay màu trắng có hoa văn màu xanh đỏ. 01 (một) quần tây dài màu đen cho bị cáo Phạm Văn Thuận.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác màu đen. 01 (một) quần thun lửng màu xanh đậm, viền xám. 01 (một) áo thun cổ tròn ngắn tay màu trắng có hoa văn màu vàng, xanh. 01 (một) áo lót màu hồng nhạt của nữ. 01 (một) quần lót màu trắng của nữ.

*(Vật chứng hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú quản lý theo biên bản giao nhận ngày 20/11/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú).*

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/02/2018), bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện An Phú;
- Thi hành án DS huyện An Phú;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phong Phi**